



SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 545 867 Fax: 0433 542 280

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III & LŨY KẾ 30/09/2017

HÀ NỘI THÁNG 10 NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		741.544.308.978	777.886.638.241
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	90.592.469.280	240.010.237.469
1	Tiền	111		51.992.469.280	150.010.237.469
2	Các khoản tương đương tiền	112		38.600.000.000	90.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.202.693.335	15.886.696.365
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	3.819.993.335	17.839.891.600
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		(1.617.300.000)	(1.953.195.235)
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		425.887.309.235	358.349.501.963
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	332.919.133.704	333.069.321.622
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.501.316.582	14.459.358.901
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	795.721.745	795.721.745
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	83.944.352.594	64.971.253.794
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(13.273.215.390)	(54.946.154.099)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		213.486.261.353	159.305.585.958
1	Hàng tồn kho	141	V.7	213.486.261.353	159.305.585.958
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		9.375.575.775	4.334.616.486
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	489.791.293	185.852.275
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.844.606.018	4.003.404.558
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		41.178.464	145.359.653
5	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154	V.9	-	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN(200=220+240+250+260)	200		702.840.138.639	678.240.609.911
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		28.833.470.900	26.463.697.456
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	27.673.970.900	25.304.197.456
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		1.159.500.000	1.159.500.000
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		586.222.184.348	618.126.123.850
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	579.617.504.114	611.521.443.616
	- Nguyên giá	222		872.735.139.895	874.688.386.487
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(293.117.635.781)	(263.166.942.871)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-

3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.604.680.234	6.604.680.234
	- Nguyên giá	228		6.604.680.234	6.604.680.234
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		62.444.368.981	9.738.153.164
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		62.444.368.981	9.738.153.164
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.601.120.000	-
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	8.601.120.000	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		16.738.994.410	23.912.635.441
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	6.905.928.359	4.000.839.802
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		144.226.831	3.765.974.618
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.18	-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		9.688.839.220	16.145.821.021
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.444.384.447.617	1.456.127.248.152
	CHỈ TIÊU			SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.017.358.964.641	1.032.266.414.870
I	Nợ ngắn hạn	310		572.317.910.144	696.158.136.271
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	123.490.353.137	93.929.694.255
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	93.538.466.791	54.206.276.189
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	16.725.807.934	21.842.290.205
4	Phải trả người lao động	314		24.434.296.181	23.457.211.380
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		59.238.285.444	21.193.998.019
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		202.250.000	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319		63.377.690.505	130.830.527.997
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		187.217.552.532	331.639.502.669
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.015.405.066	16.451.878.788
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.077.802.554	2.606.756.769
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		445.041.054.497	336.108.278.599
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	16.705.910.593	14.068.265.660
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.28	-	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	1.000.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		384.629.075.466	273.561.943.833

9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.264.943.747	1.076.020.315
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		41.941.124.691	46.199.798.791
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.30	-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		427.025.482.976	423.860.833.282
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	427.025.482.976	423.860.833.282
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		37.566.527.623	37.566.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.000.000.000	20.000.000.000
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	418		160.692.327.505	127.652.984.979
8	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.076.823.081	38.239.840.373
11	- Lợi nhuận năm trước	421a		(7.082.216.899)	38.239.840.373
	- Lợi nhuận năm nay	421b		12.159.039.980	-
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	88.158.754.767	84.870.430.307
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.444.384.447.617	1.456.127.248.152

Hà nội, ngày 24 tháng 10 năm 2017

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

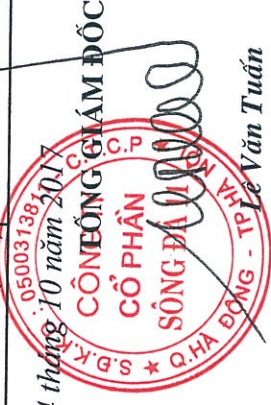
Quý III và lũy kế đến 30/09/2017

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III/2017	QUÝ III/2016	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/09/2017	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	210.295.594.646	106.376.812.795	468.326.041.574	675.404.598.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		210.295.594.646	106.376.812.795	468.326.041.574	675.404.598.896
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	174.402.512.006	87.070.724.828	394.612.307.070	601.806.516.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.893.082.640	19.306.087.967	73.713.734.504	73.598.082.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	720.397.970	151.691.727	6.317.115.669	1.967.021.969
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.195.495.886	11.139.105.549	34.040.530.609	26.787.004.966
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>			10.316.531.639	9.720.663.811	30.520.760.042	24.078.027.102
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Lợi nhuận ở công ty liên kết, liên danh	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.723.115.289	17.616.827.038	34.868.590.829	56.596.377.996
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.694.869.435	(9.298.152.893)	11.121.728.735	(7.818.278.967)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	370.107.678	5.584.980.329	47.208.523.675	16.106.710.717
13. Chi phí khác	32	VI.7	710.890.037	270.981.797	32.444.826.894	1.128.911.657
14. Lợi nhuận khác	40		(340.782.359)	5.313.998.532	14.763.696.781	14.977.799.060
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.354.087.076	(3.984.154.361)	25.885.425.516	7.159.520.093
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.20	1.639.813.561	(1.388.210.073)	2.939.785.656	358.883.285
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.8	-	(202.398.038)	3.810.671.219	387.314.784
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.714.273.515	(2.393.546.250)	19.134.968.641	6.413.322.024
<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty CP SD II</i>	61		7.062.573.326	(3.412.141.983)	12.159.039.980	3.593.976.719
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	62		4.651.700.189	1.018.595.733	6.975.928.661	2.819.345.305

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III/2017	QUÝ III/2016	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/09/2017	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/09/2016
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	535	(583)	947	244
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		535	(583)	947	244

Hà nội, ngày 24 tháng 10 năm 2017

050031381



LẬP BIỂU

Phạm Thị Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Văn Ngụ

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngụ

Lê Văn Tuấn

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lũy kế đến 30/09/2017

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ ĐẾN 30/09/2017	LŨY KẾ ĐẾN 30/09/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	699.673.152.664	726.765.796.759
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-440.239.856.939	-901.251.246.166
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-27.073.880.658	-82.981.629.756
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-26.786.018.262	-19.128.457.145
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-10.176.698.348	-18.312.898.480
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	68.608.910.634	67.329.747.365
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-296.941.313.744	-128.020.754.821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-32.935.704.653	-355.599.442.244
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-4.604.653.947	-1.278.117.868
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	637.272.728	605.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	212.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-8.601.120.000	-1.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.527.638.684	2.204.812.924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-7.040.862.535	212.532.422.328
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	8.533.333.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	451.121.935.081	381.863.148.118
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-538.637.527.036	-376.004.611.848
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-21.927.324.700	-22.983.277.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-109.442.916.655	-8.591.408.380
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-149.419.483.843	-151.658.428.296
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	240.010.237.469	209.014.051.321
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.715.654	12.376
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	90.592.469.280	57.355.635.401

LẬP BIỂU

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Văn Ngự

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tuấn

Lê Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông buru điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 6 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 5 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và 1 công ty con không được hợp nhất.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Trong kỳ, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (trung ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 434.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70%	70%	70%	70%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%	56,71%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,1%	65,1%	65,1%	65,1%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65%	65%	65%	65%

5c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tháng 5 năm 2017, Công ty mẹ đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (trương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thanh toán 10% giá chuyển nhượng theo tiến độ hợp đồng và nắm giữ 434.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời chưa hoàn tất việc chuyển đổi chủ sở hữu sang Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bao gồm Báo cáo tài chính của công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 978 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.918 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình như sau:

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí (nếu} \\ \text{có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{nếu có} \end{array}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí trồng rừng thay thế và các chi phí khác.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí trồng rừng thay thế

Chi phí trồng rừng thay thế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 4 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	5

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là Dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành phát sinh trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.239.004.633	41.634.868.686
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.753.464.647	108.375.368.783
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	38.600.000.000	90.000.000.000
Cộng	<u>90.592.469.290</u>	<u>240.010.237.469</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	2.022.500.000			5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội	493.335	780.500		10.090.891.600	10.022.698.000	(68.193.600)
Cộng	<u>3.819.993.335</u>		<u>(1.617.300.000)</u>	<u>17.839.891.600</u>		<u>(1.953.195.235)</u>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 : giảm do bán 392.950 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.929.500.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội: giảm do bán toàn bộ số cổ phiếu đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(1.953.195.235)	(8.370.913.023)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(53.910.000)
Sử dụng dự phòng	-	4.848.929.788
Hoàn nhập dự phòng	335.895.235	1.690.891.600
Số cuối kỳ	<u>(1.617.300.000)</u>	<u>(1.885.001.635)</u>

2b. Đầu tư vào công ty con

Trong kỳ, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (trung ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 108.600 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	164.837.720.149	176.057.822.557
Tổng công ty Sông Đà	164.837.720.149	176.057.822.557
Phải thu các khách hàng khác	153.482.965.538	157.011.499.065
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	21.797.701.306	8.247.258.373
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	5.787.450.002	8.877.445.064
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	2.462.677.707	5.784.620.364
Công ty Điện lực Hưng Yên	9.494.070.210	
Phải thu khách hàng khác	128.539.514.330	134.102.175.264
Cộng	<u>332.919.133.704</u>	<u>333.069.321.622</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	14.598.448.017	9.388.064.477
Tổng Công ty Sông Đà	14.598.448.017	9.388.064.477
Phải thu các khách hàng khác	13.075.522.883	15.916.132.979
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	122.048.929	1.999.424.154
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	5.931.898.632	3.078.934.209
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đrinh		4.782.616.648
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Du lịch Công Lý	2.710.939.000	2.710.939.000
Các khách hàng khác	4.310.636.322	3.344.218.968
Cộng	<u>27.673.970.900</u>	<u>25.304.197.456</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	21.501.316.582	14.459.358.901
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư Bắc Thăng Long		4.177.593.734
Công ty B Fouress		2.574.144.000
Công ty Cổ phần MONOTECH Việt Nam	2.795.959.499	
Công ty TNHH Nhất Nước	4.683.641.780	
Các nhà cung cấp khác	14.021.715.303	7.707.621.167
Cộng	<u>21.501.316.582</u>	<u>14.459.358.901</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần điện Việt Lào (là bên liên quan) vay với lãi suất 10%/năm.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	671.750.893	-
Tổng Công ty Sông Đà			671.750.893	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	83.944.352.594		64.299.502.901	(695.750.000)
Ký cược, ký quỹ	2.654.973.326		1.877.760.326	
Tạm ứng	44.641.698.467		41.216.789.296	
Phải thu của CBCNV	1.709.081.217		1.243.732.655	
Phải thu các Đội công trình	807.906.395		237.602.788	
Cổ tức phải thu			695.750.000	(695.750.000)
Tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	8.395.836.731		12.586.018.544	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	232.952.435		267.337.754	
Tiền lãi cho vay	272.203.147		303.714.305	
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)			287.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.229.700.876		5.583.797.233	
Cộng	<u>83.944.352.594</u>		<u>64.971.253.794</u>	<u>(695.750.000)</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.159.500.000		1.159.500.000	
Ký cược, ký quỹ dài hạn	11.500.000		11.500.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)	1.148.000.000		1.148.000.000	
Cộng	1.159.500.000		1.159.500.000	

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	32.607.863.648		23.920.690.286	36.379.915.330		22.912.348.211
Tổng Công ty Sông Đà	32.607.863.648		23.920.690.286	36.379.915.330		22.912.348.211
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.402.836.016		1.802.313.985	45.263.321.522		3.784.734.542
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Trên 3 điện Hà Nội - Tiền năm khối lượng xây lắp	-		-	Trên 3 năm	12.156.428.764	
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long - Tiền khối lượng xây lắp	-		-	Trên 3 năm	11.768.729.092	
Công ty Cổ phần Thủy điện Từ 2 đến 3 năm Đakdrinh	2.769.755.034		830.926.510			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.633.080.982		971.387.475		21.338.163.666	3.784.734.542
Cộng	39.010.699.664		25.723.004.271		81.643.236.852	26.697.082.753

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(54.946.154.099)	(47.196.379.297)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(5.900.852.294)
Hoàn nhập dự phòng	10.182.064.255	1.508.450.427
Sử dụng dự phòng	31.476.394.451	
Số cuối kỳ	(13.287.695.393)	(51.588.781.164)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	54.558.841.953		23.485.734.615	
Công cụ, dụng cụ	1.263.216.387		1.589.052.110	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	157.664.203.013		134.230.799.233	
Cộng	213.486.261.353		159.305.585.958	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	484.404.003	59.480.101
Chi phí bảo hiểm	5.387.290	94.705.507
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho		31.666.667
Phí bảo hiểm nhà máy thủy điện		
Cộng	<u>489.791.293</u>	<u>185.852.275</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.579.760.171	1.382.700.360
Chi phí trồng rừng thay thế	1.252.354.173	1.579.055.259
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	337.684.337	540.320.921
Tiền khoan phun hầm dẫn	388.916.854	
Thương hiệu Sông Đà	119.000.000	162.500.000
Lợi thế thương mại	68.500.000	193.750.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.159.712.824	142.513.262
Cộng	<u>6.905.928.359</u>	<u>4.000.839.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	468.163.020.674	374.101.589.276	30.056.927.957	2.366.848.580	874.688.386.487
Mua trong kỳ	-	395.000.000	-	142.727.273	537.727.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(184.027.810)	(2.306.946.055)	-	(2.490.973.865)
Phân loại lại TSCĐ	-	(205.248.190)	205.248.190	-	-
Số cuối kỳ	468.163.020.674	374.107.313.276	27.955.230.092	2.509.575.853	872.735.139.895
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	584.414.189	20.541.905.840	19.119.700.079	699.543.257	41.124.565.117
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	102.852.600.395	132.255.072.989	26.359.095.621	1.700.173.866	263.166.942.871
Khấu hao trong kỳ	12.044.732.336	18.487.663.263	1.474.611.798	274.238.461	32.281.245.858
Thanh lý, nhượng bán	-	(184.027.810)	(2.146.525.138)	-	(2.330.552.948)
Số cuối kỳ	114.897.332.731	150.558.708.442	25.687.182.281	1.974.412.327	293.117.635.781
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	365.310.420.279	241.846.516.287	3.697.832.336	666.674.714	611.521.443.616
Số cuối kỳ	353.265.687.943	223.548.604.834	2.268.047.811	535.163.526	579.617.504.114
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất lâu dài

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	537.727.273	(537.727.273)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	9.738.153.164	53.231.188.872	(524.973.055)	62.444.368.981
Cộng	9.738.153.164	53.768.916.145	(1.062.700.328)	62.444.368.981

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Là Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Thu nhập bán thanh lý tài sản trong nội bộ	30.068.923		30.068.923
Khấu hao chênh lệch do mua bán tài sản nội bộ	21.102.594		21.102.594
Dự phòng bảo hành công trình	3.534.940.308	(3.534.940.308)	
Khoản trích lập dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	86.807.479	(86.807.479)	
Giá vốn Công trình 35kV Quế Võ - Bắc Ninh chưa được ghi nhận	93.055.314		93.055.314
Cộng	3.765.974.618	(3.621.747.787)	144.226.831

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

14. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.410.703.338	11.606.325.324	22.017.028.662
Điều chỉnh giảm do nhận cổ tức trước ngày đầu tư		(5.407.590.000)	(5.407.590.000)
Số cuối kỳ	10.410.703.338	6.198.735.324	16.609.438.662
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	2.776.187.556	3.095.020.085	5.871.207.641
Phân bổ trong kỳ	1.561.605.501		1.561.605.501
Điều chỉnh khác		(512.213.700)	(512.213.700)
Số cuối kỳ	4.337.793.057	2.582.806.385	6.920.599.442
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.634.515.782	8.511.305.239	16.145.821.021
Số cuối kỳ	6.072.910.281	3.615.928.939	9.688.839.220

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>123.490.353.137</i>	<i>93.929.694.255</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	5.167.076.551	6.826.908.628
Các nhà cung cấp khác	118.323.276.586	87.102.785.627
Cộng	<u>123.490.353.137</u>	<u>93.929.694.255</u>

15b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>16.705.910.593</i>	<i>14.068.265.660</i>
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	1.607.934.880
Công ty Cổ phần Thành Long	1.958.667.410	
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.303.902.350
Các nhà cung cấp khác	12.183.454.779	11.156.428.430
Cộng	<u>16.705.910.593</u>	<u>14.068.265.660</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>13.808.028.455</i>	<i>5.500.780.228</i>
Tổng công ty Sông Đà	13.808.028.455	5.500.780.228
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>79.730.438.336</i>	<i>48.705.495.961</i>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	27.994.634.879	14.326.777.281
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	2.296.279.587	13.960.187.719
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	2.785.520.884	1.592.760.354
Công ty Điện lực Hưng Yên	8.611.808.000	
Công ty Thủy điện Đại Ninh	-	8.320.000.000
Các khách hàng khác	38.042.194.986	10.505.770.607
Cộng	<u>93.538.466.791</u>	<u>54.206.276.189</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.338.850.608	-	31.909.062.144	(27.538.453.734)	7.714.215.324	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	111.789.225	-	1.353.607.730	(1.353.607.730)	111.789.225	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.911.840.216	3.396.442	2.950.313.558	(9.918.844.348)	1.943.309.426	3.396.442
Thuế thu nhập cá nhân	2.242.567.319	141.963.211	1.715.369.174	(1.139.363.241)	971.507.626	37.782.022
Thuế tài nguyên	659.034.236	-	7.188.655.919	(5.767.548.938)	2.080.141.217	-
Thuế nhà đất	145.201	-	815.314.806	(815.314.806)	145.201	-
Tiền thuế đất	-	-	73.710.000	(73.710.000)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	151.916.720	-	283.398.560	(278.933.300)	230.764.000	-
Các loại thuế khác	-	-	24.000.000	(24.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	426.146.680	-	4.043.562.269	(2.568.456.640)	3.673.935.915	-
Cộng	21.842.290.205	145.359.653	50.356.994.160	(49.478.232.737)	16.725.807.934	41.178.464

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty mẹ áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp; Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1012100022 ngày 04 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng của nhà máy thủy điện Sông Miện với thuế suất là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 3 Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn được giảm 50% số thuế phải nộp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Đoa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 3 Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.209.519.746	358.883.285
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.730.265.910	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.939.785.656	358.883.285

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	59.238.285.444	21.193.998.019
Trích trước chi phí công trình	3.321.377.392	19.749.545.290
Trích trước chi phí thuê đất	25.549.453.458	
Chi phí lãi vay phải trả	3.048.140.602	1.163.749.329
Chi phí phải trả khác	27.319.313.992	280.703.400
Cộng	59.238.285.444	21.193.998.019

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7.

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	63.377.690.505	130.830.527.997
Kinh phí công đoàn	599.144.221	1.055.060.892
Bảo hiểm xã hội	5.714.039.694	2.894.891.054
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	500.000.000
Cổ tức phải trả	1.521.932.673	20.610.790.173
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Phải trả các đội tiền khoán công trình	25.528.903.810	43.707.996.129
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	2.979.665.786	918.260.306
Tổng Công ty Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (Công trình Đường dây 500KV Đà Nẵng Quảng Ngãi)	-	27.093.934.635
BQL Dự án các Công trình Điện Miền Bắc (Công trình Đường dây 220KV Trục Ninh - Nam Định)	10.567.989.301	
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	3.517.254.547	3.403.461.175
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.926.260.473	28.623.633.633
Cộng	63.377.690.505	130.830.527.997

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		500.000.000
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	183.295.449.561	297.041.700.669
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	47.608.542.329	58.400.136.799
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung</i>	83.446.240.537	84.860.958.470
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ</i>	41.640.666.695	149.180.605.400
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội</i>	10.600.000.000	4.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	3.922.102.971	34.597.802.000
Cộng	<u>187.217.552.532</u>	<u>331.639.502.669</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	297.041.700.669	34.597.802.000	331.639.502.669
Số tiền vay phát sinh	264.550.314.781	-	264.550.314.781
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	3.268.453.682	3.268.453.682
Số tiền vay đã trả	(378.296.565.889)	(33.944.152.711)	(412.240.718.600)
Số cuối kỳ	<u>183.295.449.561</u>	<u>3.922.102.971</u>	<u>187.217.552.532</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên		125.368.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱ⁾	1.939.862.697	2.599.862.697
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	1.922.882.087	3.062.882.087
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	-	99.669.682
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	788.993.724	81.421.093.057
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(iv)	284.030.000.000	2.906.186.160
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ ^(v)	46.457.327.956	8.613.841.148
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang ^(vi)	49.490.009.002	49.490.009.002
Cộng	<u>384.629.075.466</u>	<u>273.561.943.833</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sản tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/17782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và hoàn vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đăk Đoa với lãi suất cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên là 2,80%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 3 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình nhà máy thủy điện Đăk Đoa.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 35/16/NHNT ngày 28/12/2016 để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện To Bông với lãi suất biến đổi được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 7,6%/năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình Nhà máy Thủy điện To Bông

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo giấy nhận nợ số 01/36/16/NHNT ngày 20/2/2017, thời hạn vay 120 tháng từ 20/2/2017 đến 20/2/2027, lãi suất cố định trong 12 tháng đầu là 7,8%/năm, điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng/1 lần, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 31/2014/HĐTĐDA ngày 13 tháng 10 năm 2014 để thực hiện dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp 2014". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.026.815.464 VND và 2.194.484.255 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 19/2015/HĐTĐDA/NHCT324-SĐTL11 ngày 11 tháng 04 năm 2015 để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng chi nhánh 11.5 Thăng Long tại thành phố Đà Nẵng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 39/2015/HĐTĐDA/NHCT324-SĐTL11 ngày 06 tháng 7 năm 2015 để thực hiện dự án "Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công xây lắp". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.172.281.818 VND và 1.830.715.780 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

(v) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng số 1400LAV201600537/HĐTĐ ngày 21/04/2016 để thanh toán các chi phí phát sinh hình thành nên giá trị tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Đông Khùa do Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đầu tư với lãi suất biến đổi được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10,5%/năm. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là nhà máy thủy điện Đông Khùa.

(vi) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chi nhánh tỉnh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 8200-LAV200901558/HĐTĐ ngày 26/03/2009 và phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐ ngày 29/05/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của hợp đồng tín dụng gốc, mục đích để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án Công trình thủy điện Sông Miện với lãi suất theo lãi suất thả nổi được Ngân hàng NN & PT Nông thôn tỉnh Hà Giang tự điều chỉnh, tối đa 6 tháng một lần. Thời hạn vay 153 tháng kể từ ngày 03/04/2009, thời gian ân hạn 24 kể ngày 03/04/2009. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản Cụm đầu mối - Nhà máy (thân đập + nhà máy); Trạm tăng áp 6/35kV (trạm truyền tải điện); Nhà vận hành (nhà điều hành + nhà ở công nhân).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.572.102.971	34.597.802.000
Trên 1 năm đến 5 năm	123.826.020.325	172.666.609.628
Trên 5 năm	162.073.055.141	100.895.334.205
Cộng	<u>290.471.178.437</u>	<u>308.159.745.833</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	273.561.943.833
Số tiền vay phát sinh	253.880.185.315
Số tiền vay đã trả	(133.544.600.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(9.268.453.682)
Số cuối kỳ	384.629.075.466

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả

22a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	5.239.004.566
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	882.794.596
Số hoàn nhập	-5.106.394.096
Số cuối kỳ	1.015.405.066

22b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	39.737.971.473
Tăng do trích lập	39.457.261.793
Số hoàn nhập	-36.371.313.979
Giảm do phân loại sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-882.794.596
Số cuối kỳ	41.941.124.691

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.053.431.817	934.326.481	(193.400.000)	1.794.358.298
Quỹ phúc lợi	1.553.324.952	695.419.304	(760.100.000)	1.488.643.956
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	(500.000.000)	
Cộng	2.606.756.769	1.924.545.785	(1.453.500.000)	3.077.802.554

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con và dự phòng nợ phải thu công ty con quá hạn thanh toán. Chi tiết phát sinh như sau

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng giảm giá đầu tư	1.076.020.315	188.923.432	1.264.943.747
Cộng	1.076.020.315	188.923.432	1.264.943.747

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	67.247.066.956	104.043.433.846	73.285.928.633	417.674.007.058
Tăng do góp vốn trong kỳ này					6.000.000.000		6.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này					3.593.976.719	2.819.345.305	6.413.322.024
Trích lập các quỹ trong kỳ				60.405.918.023	(63.324.062.876)		(2.918.144.853)
Chia cổ tức trong kỳ					(23.106.210.000)		(23.106.210.000)
Số dư cuối kỳ trước	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	127.652.984.979	21.207.137.689	82.105.273.938	404.062.974.229
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	127.652.984.979	38.239.840.373	84.870.430.307	423.860.833.282
Lợi nhuận trong kỳ					12.159.039.980	6.975.928.661	19.134.968.641
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ				26.934.985.100	(27.279.844.272)		(344.859.172)
Trích lập các quỹ tại công ty con				6.104.357.426	(6.489.108.000)	(208.804.201)	(593.554.775)
Chia cổ tức, lợi nhuận					(11.553.105.000)	(3.478.800.000)	(15.031.905.000)
Số dư cuối kỳ này	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	160.692.327.505	5.076.823.081	88.158.754.767	427.025.482.976

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	37.566.527.623	37.566.527.623
Cộng	153.097.577.623	153.097.577.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Vốn khác của chủ sở hữu

Là phần vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2015 tại Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế.

25e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 26.934.985.100
• Trích quỹ khen thưởng	: 515.726.481
• Trích quỹ phúc lợi	: 515.726.481
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	: 500.000.000

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 94,26 USD (số đầu năm là 95,76 USD).

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	3.367.081.122		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Cộng	18.111.433.309		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	98.758.111.830	65.172.150.536
Doanh thu hợp đồng xây dựng	347.746.356.113	589.444.703.274
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	21.821.573.631	20.787.745.086
Cộng	468.326.041.574	675.404.598.896

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện		319.472.196.478
Doanh thu cung cấp điện		1.885.336.391

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	42.174.984.441	29.050.902.293
Giá vốn của hoạt động xây dựng	332.579.821.461	549.508.086.501
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	19.857.501.168	23.247.528.076
Cộng	394.612.307.070	601.806.516.870

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.980.148.014	1.101.407.625
Lãi tiền cho vay	3.682.058	487.184.372
Cổ tức, lợi nhuận được chia	286.363.200	
Phí bảo lãnh	71.015.351	290.480.658
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.966.776	87.936.938
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	12.376
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.953.940.270	
Cộng	6.317.115.669	1.967.021.969

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	30.532.954.667	24.078.027.102
Phí trả nợ trước hạn	-	
Phí bảo lãnh	2.015.788.209	4.284.897.318
Phí cam kết tín dụng	48.639.535	60.149.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	57.907.171	75.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.194.625	837.174
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	921.881.560	(1.636.981.600)
Chi phí tài chính khác	451.164.842	
Cộng	34.040.530.609	26.787.004.966

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	25.317.777.268	28.435.064.698
Chi phí vật liệu quản lý	1.898.685.141	2.149.807.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	653.656.435	557.240.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.151.992.529	2.029.808.018
Thuế, phí và lệ phí	501.060.609	601.448.244
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(8.868.627.828)	4.392.401.867
Phân bổ lợi thế thương mại	1.049.391.801	3.302.554.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.860.978.697	5.145.676.549
Các chi phí khác	8.303.676.177	9.982.376.780
Cộng	34.868.590.829	56.596.377.996

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.350.839.720	158.436.512
Lãi thanh lý, nhượng bán Công cụ dụng cụ	154.415.000	
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	-	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	45.024.476.563	15.344.471.532
Thu nhập khác	678.792.392	603.802.673
Cộng	47.208.523.675	16.106.710.717

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư	-	
Giá trị các công trình bị cắt giảm do quyết toán	30.778.804.506	
Phạt thuế, BHXH	856.045.466	820.169.297
Phạt hành chính	-	840.000
Xử lý vật tư bị mất	48.268.735	96.331.309
Chi phí hỗ trợ thiệt hại do nước tràn	-	
Chi phí khác	761.708.187	211.571.051
Cộng	32.444.826.894	1.128.911.657

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	650.806.332	1.915.884.334
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.621.747.787	23.596.030
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		(415.018.354)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(351.882.900)	(1.137.147.226)
Cộng	3.810.671.219	387.314.784

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	12.159.039.980	3.593.976.719
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.215.903.998)	(397.195.831)
- Trích thưởng ban điều hành	(500.000.000)	(375.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.943.135.982	2.821.780.888
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ	11.553.105	11.553.105
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	947	244

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.011.813.182 VND (cùng kỳ năm trước là 1.038.199.317 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Tổng Công ty Sông Đà

Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Chi phí dịch vụ		552.129.180
Tiền lãi vay phải trả		19.512.411
Mua tài sản của Tổng công ty Sông Đà	1.604.545.455	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3; V.7 và V.16

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	347.746.356.113	120.579.685.461	468.326.041.574
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.746.356.113	120.579.685.461	468.326.041.574
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.166.534.652	58.547.199.852	73.713.734.504
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(34.868.590.829)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			38.845.143.675
Doanh thu hoạt động tài chính			6.317.115.669
Chi phí tài chính			(34.040.530.609)
Thu nhập khác			47.208.523.675
Chi phí khác			(32.444.826.894)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.939.785.656)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(3.810.671.219)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			19.134.968.641
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	399.278.885	138.448.388	537.727.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.255.313.136	3.209.243.540	12.464.556.676
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	589.444.703.274	85.959.895.622	675.404.598.896
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	589.444.703.274	85.959.895.622	675.404.598.896

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.936.616.773	33.661.465.253	73.598.082.026
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(56.596.377.996)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			17.001.704.030
Doanh thu hoạt động tài chính			1.967.021.969
Chi phí tài chính			(26.787.004.966)
Thu nhập khác			16.106.710.717
Chi phí khác			(1.128.911.657)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(358.883.285)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(387.314.784)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			6.413.322.024
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	84.221.234.609	12.282.150.465	96.503.385.074
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24.376.737.432	3.554.908.193	27.931.645.625
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(966.050.958)	350.687.038	(615.363.920)
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	692.590.421.312	557.608.785.078	1.250.199.206.390
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			194.185.241.227
Tổng tài sản			1.444.384.447.617
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	910.762.055.755	62.359.002.217	973.121.057.972
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			44.237.906.669
Tổng nợ phải trả			1.017.358.964.641
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	573.646.870.888	557.608.785.078	1.131.255.655.966
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			324.871.592.186
Tổng tài sản			1.456.127.248.152
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	922.001.154.299	62.359.002.217	984.360.156.516
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			47.906.258.354
Tổng nợ phải trả			1.032.266.414.870

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.


Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

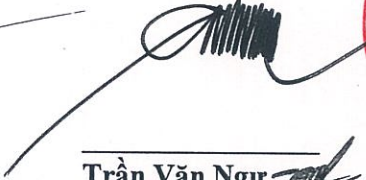
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	468.326.041.574	363.360.425.745
Khu vực nước ngoài		312.044.173.151
Cộng	468.326.041.574	675.404.598.896


5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2017


Phạm Thị Dung
Người lập biểu


Trần Văn Ngự
Kế toán trưởng


Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

